

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN G
TỈNH B
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Luận

2. Ông Nguyễn Xuân Nhân

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Huỳnh Thị Duyên Em, Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1975; Địa chỉ: ấp B1, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Địa chỉ: ấp B1, xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Ông và bị đơn là bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện Cay Lậy, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/5/2007, hôn nhân do tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, hay cự cãi nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông có yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà H có 01 con chung là Trần Thị Tú Q, sinh ngày: 06/7/2008. Hiện nay con chung do bà H đang trực

tiếp nuôi dưỡng. Ông có yêu cầu giao con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn, ông không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của ông và bà H được nên ông có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông không có khiếu nại.

Tại bản bản ghi lời khai ngày 30/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của chồng bà là ông Trần Văn T về thời gian kết hôn, đời sống hôn nhân của vợ chồng theo đơn khởi kiện của ông T. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không lo lắng, quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nữa nên bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung là Trần Thị Tú Q, sinh ngày: 06/7/2008. Hiện nay con chung do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Theo yêu cầu của ông T bà đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà không có yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H được ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Trần Thị Tú Q, sinh ngày: 06/7/2008, hiện do bà H đang nuôi dưỡng ổn định. Cần giao con chung chưa thành niên cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H đều khai không có và không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện CL, tỉnh T vào ngày 28/5/2007

nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau kết hôn, ông T, bà H cùng chung sống với nhau tại xã Bình Hòa, huyện G có hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng ông T, bà H đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy ông T, bà H đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ như chồng. Do ông T không còn tình cảm vợ chồng với bà H nữa nên ông có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Theo bà H thì bà và ông T không cùng quan điểm sống và đã ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc với nhau như vợ như chồng, bà H cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp.

- *Về con chung*: Ông T và bà H có 01 con chung là Trần Thị Tú Q, sinh ngày: 06/7/2008, hiện con chung do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông T, bà H sống ly thân, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà H vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ, cháu Tú Q do bà H trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, do cháu Tú Q đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến tham khảo của cả cháu Tú Q, ý kiến của cháu Tú Q có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên cho bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà H là người trực tiếp nuôi con chưa thành niên nhưng bà H không có yêu cầu bà ông T phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T, bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- *Về án phí*: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung*: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H có 01 con chung là Trần Thị Tú Q, sinh ngày: 06/7/2008. Giao con chung chưa thành niên cho bà H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*:

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003175 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; ông T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã Cẩm Sơn, H. Cay Lậy; T. Tiền Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Thế Trang Đền